

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1035~~/STP-VP

Đồng Nai, ngày 28 tháng 6 năm 2016

V/v triển khai thực hiện Quyết định số  
1326/QĐ-BTP ngày 20/6/2016 của Bộ  
Trưởng Bộ Tư pháp.

Kính gửi:

- Các Phòng chuyên môn và các đơn vị thuộc Sở Tư pháp;
- Phòng Tư pháp các huyện, TX Long Khánh, TP. Biên Hòa;

Thực hiện Quyết định số 1326/QĐ-BTP ngày 20/6/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Bảng tiêu chí thi đua, thang điểm đánh giá, xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2016. Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu Trưởng các phòng chuyên môn và tương đương, các đơn vị trực thuộc, trong phạm vi trách nhiệm của mình tổ chức rà soát các nội dung chương trình, kế hoạch năm 2016 tham mưu lãnh đạo Sở chỉ đạo triển khai thực hiện đúng thời gian quy định.

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị cập nhật vào Cổng Thông tin điện tử theo địa chỉ <http://stp.dongnai.gov.vn> để tải nội dung văn bản nêu trên triển khai thực hiện. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc STP;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VP.



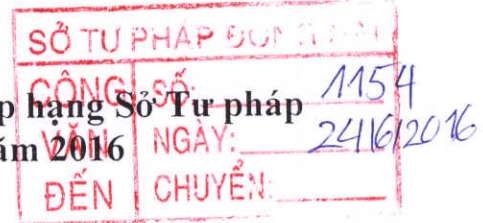
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thị Xuân Đào



**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bảng Tiêu chí thi đua, thang điểm đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2016**



**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng Tiêu chí thi đua, thang điểm đánh giá xếp hạng và Phụ lục cách chấm điểm thi đua, xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2016.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng cùng cấp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc thực hiện Quyết định này, ký xác nhận, bảo đảm tính khách quan, chính xác trong việc tự chấm điểm của Sở Tư pháp.

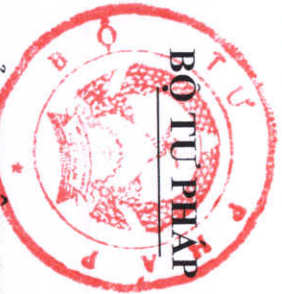
**Điều 3.** Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Trưởng, Phó trưởng các Khu vực thi đua, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT Trung ương (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Công Thông tin điện tử BTP (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐKT.

**BỘ TRƯỞNG**  
  
**Lê Thành Long**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TIÊU CHÍ THI ĐUA, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG SỞ TƯ PHÁP  
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1336/QĐ-BTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

STT	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
1	2	3	4	5
A	TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2016	160		
I	CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LỤT VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ	15		
1	Công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	9		
1.1	Thực hiện soạn thảo, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo đúng chương trình, kế hoạch	3		Soạn thảo; thẩm định các văn bản do Sở Tư pháp chủ trì
	<i>Soạn thảo, thẩm định đạt 100% kế hoạch</i>	3		
	<i>Soạn thảo, thẩm định đạt từ 75% đến dưới 100% kế hoạch</i>	2.5		
	<i>Soạn thảo, thẩm định đạt từ 50% đến dưới 75% kế hoạch</i>	2		
1.2	Lập danh mục, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết	1		

1.3							
*							
*							
1.4							
2							
2.1							

Thực hiện theo đúng 100% nội dung của tiêu chí

Thực hiện được từ 75% đến dưới 100% nội dung của tiêu chí

Thực hiện được từ 50% đến dưới 75% nội dung của tiêu chí

Triển khai có hiệu quả Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

Triển khai Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đạt 100% kế hoạch

Triển khai Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đạt từ 75% đến dưới 100% kế hoạch

Triển khai Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đạt từ 50% đến dưới 75% kế hoạch

Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, phổ biến Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

Báo cáo đầy đủ về tình hình soạn thảo, thẩm định và triển khai Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

Báo cáo đầy đủ, đúng hạn

Báo cáo đầy đủ nhưng không đúng hạn hoặc báo cáo không đầy đủ nhưng đúng hạn

Báo cáo không đầy đủ, không đúng hạn

Công tác Pháp chế

Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch công tác pháp chế năm 2016 ở địa phương (theo thống kê năm 2016 của Bộ Tư pháp) và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành

Phải có Kế hoạch đã được ban hành gửi Bộ Tư pháp (theo đường bưu điện hoặc qua email). Trường hợp Bộ Tư pháp không nhận được sẽ chấm trừ 1.5 điểm

2.2	Phối hợp tham mưu, đề xuất với UBND cấp tỉnh trong việc xây dựng, củng cố thành lập tổ chức pháp chế và có giải pháp nâng cao công tác này tại địa phương	3		
2.3	Hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra công tác pháp chế của tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước ở địa phương	1		
<b>II</b>	<b>CÔNG TÁC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	<b>15</b>		
1	Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương	1		
	<i>Ban hành trước ngày 01/01/2016</i>	1		
	<i>Ban hành trong năm</i>	0.75		
	<i>Không ban hành</i>	0		
2	Giúp UBND cấp tỉnh thực hiện công tác tự kiểm tra 100% văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp tỉnh ban hành	1.5		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 90% đến dưới 100% văn bản</i>	1.25		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 50% đến dưới 90% văn bản</i>	1		
	<i>Tự kiểm tra đạt dưới 50% văn bản</i>	0		
3	TỔ chức kiểm tra theo thẩm quyền có hiệu quả (kiểm tra 80% trở lên số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền)	1.5		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 70% đến dưới 80% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	1		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 50% đến dưới 70% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	0.5		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt dưới 50% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	0		

4	Kịp thời xem xét, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và tham mưu xử lý theo đúng quy định của pháp luật sau khi nhận được thông báo kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền; phát hiện và kiến nghị xử lý kịp thời đối với các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật thông qua kiểm tra qua văn bản theo thẩm quyền	2		
	Kịp thời xử lý văn bản QPPL theo đúng quy định của pháp luật sau khi nhận được thông báo kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền	2		
	Khi hết thời hạn xử lý theo quy định pháp luật vẫn chưa xử lý văn bản QPPL	0.5		
5	Tổ chức thực hiện rà soát thường xuyên kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 16/2013/NĐ-CP	2		
	Rà soát, đôn đốc rà soát đầy đủ, kịp thời ngay sau khi có căn cứ rà soát	2		
	Rà soát, đôn đốc rà soát đầy đủ nhưng còn chưa kịp thời	1.5		
	Rà soát, đôn đốc rà soát không đầy đủ, không kịp thời	0.5		
	Không thực hiện rà soát, đôn đốc rà soát	0		
6	Kịp thời công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực định kỳ hàng năm theo quy định	1.5		
	Kịp thời công bố (chậm nhất ngày 30/01)	1.5		
	Công bố sau ngày 30/01 đến ngày 31/3	1		
	Công bố sau ngày 31/3 đến ngày 30/6	0.5		
	Công bố sau ngày 30/6 hoặc không công bố	0		



7	Thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu của Bộ Tư pháp trong kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn	1.5			
	<i>Thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu</i>	1.5			
	<i>Không thực hiện đúng, đầy đủ theo yêu cầu</i>	0.5			
8	Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện nhiệm vụ này tại cấp huyện, cấp xã)	1.5			
	<i>Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL</i>	1.5			
	<i>Thực hiện chưa tốt nhiệm vụ</i>	1			
9	Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP, Nghị định số 16/2013/NĐ-CP và cập nhật kịp thời	1.5			
	<i>Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và cập nhật kịp thời</i>	1.5			
	<i>Có xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL nhưng cập nhật không kịp thời</i>	0.5			
10	Triển khai Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL (phần quy định về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL như tham mưu ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản triển khai: quy chế, kế hoạch..., bố trí các điều kiện đảm bảo...	1			
	<i>Có triển khai</i>	1			
	<i>Chậm triển khai</i>	0.5			

III	<p><b>CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, HÒA GIẢI CƠ SỞ, HƯỚNG ƯỚC, QUY ƯỚC VÀ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI DÂN Ở CƠ SỞ</b></p>	15		
1	Ban hành các chương trình, kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra	3		
1.1	Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2016 (ban hành chậm nhất tháng 02/2016)	0.5		
	<i>Có xây dựng Kế hoạch nhưng ban hành không đúng tiến độ theo quy định</i>	0.25		
1.2	Kế hoạch công tác của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2016 (ban hành chậm nhất tháng 03/2016)	0.5		
1.3	Kế hoạch thực hiện các Đề án của Chương trình; văn bản hướng dẫn tổng kết thực hiện Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW và các Đề án (có thể ban hành riêng hoặc lồng ghép trong văn bản hướng dẫn khác)	0.5		
.4	Xây dựng Kế hoạch hoặc có văn bản triển khai phổ biến luật, pháp lệnh mới; tuyên truyền, phổ biến về cải cách hành chính; cải cách tư pháp và hoạt động tư pháp	0.5		
.5	Kế hoạch kiểm tra PBGDPL, hòa giải cơ sở; hương ước, quy ước, chuẩn tiếp cận pháp luật	0.25		
.6	Văn bản hướng dẫn chỉ đạo nghiệp vụ, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở; hương ước, quy ước, chuẩn tiếp cận pháp luật (trường hợp có phát sinh tại địa phương)	0.5		

1.7	Đề xuất và thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở; hương ước, quy ước, tiếp cận pháp luật	0.25		
2	Tổ chức triển khai Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật:	4		
2.1	Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Ngày Pháp luật	0.5		
2.2	Triển khai các hoạt động PBGDPL luật, pháp lệnh mới; các văn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội; định hướng chủ trương, chính sách mới hoặc sửa đổi, bổ sung; Triển khai tuyên truyền, phổ biến Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu HĐND; các văn bản pháp luật thuộc phạm vi quản lý của ngành tư pháp, cho đội ngũ công chức	0.5		
2.3	Củng cố, kiện toàn, quản lý và sử dụng hiệu quả đội ngũ Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật	0.5		
2.4	Triển khai chính sách xã hội hóa PBGDPL	0.25		
2.5	Triển khai có hiệu quả công tác PBGDPL trong nhà trường	0.25		
2.6	Xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật	0.25		
2.7	Triển khai các Đề án về PBGDPL	1		
*	Đề án “Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước”	0.25		
*	Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân”	0.25		

*	Đề án đẩy mạnh phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về về các quyền dân sự, chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân giai đoạn 2015- 2020	0.25		
*	Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về chống tra tấn”	0.25		
2.8	Chương trình, kế hoạch phối hợp về PBGDPL giữa Ngành Tư pháp với các sở, ngành, đoàn thể có liên quan (Có thể ký kết Chương trình phối hợp hàng năm hoặc cả giai đoạn)	0.25		
2.9	Tham mưu triển khai các hoạt động của Hội đồng PBGDPL; Ban Thư ký	0.5		
3	Công tác hòa giải ở cơ sở	3.5		
3.1	Triển khai thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn (Ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo; củng cố, kiện toàn đội ngũ Hòa giải viên; hỗ trợ đội ngũ hòa giải viên; hiệu quả mang lại từ công tác hòa giải ở cơ sở)	1		
3.2	Hướng ứng, tham gia cuộc thi Hòa giải viên giỏi lần thứ III (tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi ở địa phương để chọn Đội thi hoặc cử Đội thi tham gia Hội thi Trung ương)	2.5		
*	Có đội tham gia vòng sơ khảo	0.5		
*	Đạt giải vòng sơ khảo	0.5		
*	Có đội tham gia chung khảo	0.5		
*	Đạt giải vòng chung khảo	1		
4	Công tác quản lý về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước	1		

4.1	Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 1215/BTP-PBGDPL ngày 15/4/2016	0.5		
4.2	Hướng dẫn việc rà soát, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước cho phù hợp và đã đạt được một số kết quả	0.5		
5	Triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	1		
5.1	Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 1454/BTP-PBGDPL ngày 6/5/2016	0.5		
5.2	Hướng dẫn cấp huyện, cấp xã rà soát, theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật, đề nắm bắt thực trạng về tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và tham mưu giải pháp phù hợp	0.25		
5.3	Tiếp tục lựa chọn một số địa bàn để đánh giá, công nhận đạt chuẩn phù hợp với điều kiện thực tế; hướng dẫn các địa phương đạt chuẩn tiếp tục duy trì kết quả đã đạt; đề ra giải pháp khắc phục đối với các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý còn hạn chế, khó khăn	0.25		
6	Thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng PBGDPL; hòa giải ở cơ sở, hương ước, quy ước, tiếp cận pháp luật cho đội ngũ Báo cáo viên pháp luật; Hòa giải viên	1		
7	Thực hiện công tác kiểm tra hoặc thanh tra, xử lý vi phạm, khen thưởng về PBGDPL, Hòa giải ở cơ sở; tiếp cận pháp luật, hương ước, quy ước (Tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền; thực hiện theo Kế hoạch kiểm tra của Bộ, của Hội đồng PHPBGDPL nếu có);	0.5		

8	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động PBGDPL, hòa giải ở cơ sở theo Luật PBGDPL; Luật Hòa giải ở cơ sở	1	
<b>IV</b>	<b>CÔNG TÁC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ</b>	<b>15</b>	
1	Có văn bản góp ý dự thảo Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) đúng hạn	2	
2	Thực hiện một số nhiệm vụ của Đề án đổi mới công tác TGPL	5	
2.1	Kế hoạch công tác năm 2016 phù hợp với Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý ban hành kèm theo Quyết định số 1543/QĐ-BTP ngày 24/8/2015 của Bộ Tư pháp	1	
2.2	Trợ giúp viên pháp lý hoàn thành chỉ tiêu vụ việc theo Công văn số 383 ngày 05/02/2016 của Bộ Tư pháp về việc chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng năm 2016:	3	
	80% đến 100% số Trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng	3	
	60% đến dưới 80% số Trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng	2	
	50% đến dưới 60% số Trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng	1	
2.2.3	Bổ trí kinh phí vụ việc bằng 50% kinh phí nghiệp vụ	1	
3	Đánh giá chất lượng vụ việc TGPL theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL	3	
3.1	Cập nhật đầy đủ và đúng quy định các vụ việc tham gia tố tụng lên hệ thống Quản lý vụ việc TGPL theo hướng dẫn tại Công văn số 71/CTGPL-QLCL ngày 23/02/2016 của Cục TGPL	1	
3.2	100% số vụ việc tham gia tố tụng được đánh giá chất lượng và không có vụ việc không đạt chất lượng	1	

3.3	Không có khiếu nại về chất lượng vụ việc TGPL từ người được TGPL hoặc có khiếu nại nhưng khiếu nại không đúng	1		
4	Thực hiện Trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng	3		
4.1	Có ban hành Kế hoạch phối hợp Trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương	1		
4.2	Hội đồng phối hợp liên ngành về Trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng tổ chức đoàn đi kiểm tra tại các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương	1		
4.3	Thực hiện thống kê, báo cáo theo đúng quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước	1		
5	Kết quả thực hiện vụ việc Trợ giúp pháp lý	2		
5.1	Số lượng vụ việc tham gia tố tụng năm 2016 tăng so với năm 2015	1		
5.2	Tổng số vụ việc TGPL năm 2016 tăng so với năm 2015	1		
<b>V</b>	<b>CÔNG TÁC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC</b>	<b>15</b>		
1	Lĩnh vực hộ tịch	8		
1.1	Tổ chức triển khai thi hành Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành	1.5		
*	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch kịp thời, đầy đủ cho công chức làm công tác hộ tịch trên địa bàn tỉnh	1		
	<i>Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ không đầy đủ cho tất cả các công chức làm công tác hộ tịch</i>	0.75		
	<i>Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ (mượn trong quý IV/2016)</i>	0.75		
*	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc	0.5		

1.2	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch tại địa phương	5.5		
*	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở trong quá trình đăng ký hộ tịch tại địa phương;	1.5		
*	Không có công văn xin ý kiến Bộ Tư pháp đối với những vấn đề mà Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có quy định cụ thể có thể áp dụng giải quyết ngay	1		
*	Không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong quá trình quản lý, đăng ký hộ tịch tại địa phương; hoặc có vi phạm pháp luật trong đăng ký hộ tịch ở địa phương nhưng đã được UBND cấp huyện, Sở Tư pháp phát hiện, xử lý kịp thời	1		
	<i>Có sai sót trong quá trình đăng ký, quản lý hộ tịch (có phản ánh từ người dân, báo chí có cơ sở)</i>	0.75		
	<i>Có vi phạm pháp luật trong đăng ký hộ tịch (có kết luận kiểm tra, thanh tra về sai phạm)</i>	0.5		
*	Có kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đăng ký, quản lý hộ tịch của cơ quan tư pháp địa phương	1		
	<i>Có ban hành Kế hoạch nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả</i>	0.5		
*	Không có kiến nghị, phản ánh về thái độ tiếp công dân không đúng mực, biểu hiện sách nhiễu, phiền hà, không giải thích, hướng dẫn cụ thể cho người dân	0.5		
	<i>Có phản ánh, kiến nghị (có cơ sở) về thái độ tiếp công dân, hướng dẫn công dân không đúng</i>	0.25		
*	Có sáng kiến, giải pháp tích cực trong việc đăng ký, quản lý hộ tịch	0.5		
1.3	Xử lý thông tin báo chí, phối hợp thực hiện công tác báo cáo kịp thời, đúng thời hạn theo yêu cầu	1		



	<i>Xử lý thông tin báo chí, phối hợp thực hiện công tác báo cáo quá thời hạn theo yêu cầu</i>	0.75		
2	Lĩnh vực quốc tịch	2		
2.1	Tiếp nhận và tham mưu giải quyết đúng trình tự, thủ tục xin nhập, xin thôi, xin trở lại quốc tịch Việt Nam (bảo đảm tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, thời hạn giải quyết).	1		
	<i>Giải quyết không đúng trình tự, thủ tục, quá thời hạn giải quyết</i>	0.75		
	<i>Hồ sơ gửi đến Bộ Tư pháp không đầy đủ theo quy định, Bộ phải có văn bản yêu cầu bổ sung</i>	0.75		
2.2	Chủ động tham mưu, đề xuất với Bộ Tư pháp xử lý các vướng mắc phát sinh trong lĩnh vực quốc tịch	0.5		
	<i>Khi thanh tra, kiểm tra phát hiện có vướng mắc phát sinh nhưng không xin ý kiến chỉ đạo</i>	0.25		
2.3	Không đề xảy ra tình trạng khiếu nại của người dân liên quan đến vấn đề quốc tịch trong phạm vi quản lý	0.5		
	<i>Đề xảy ra 01 vụ việc</i>	0.25		
	<i>Đề xảy ra từ 02 vụ việc trở lên</i>	0		
3	Lĩnh vực chứng thực	5		
3.1	Có Kế hoạch thực hiện tốt Chỉ thị 17/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình hình lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính	1		
*	Có Kế hoạch	0.25		
*	Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch	0.75		
	<i>Có Kế hoạch nhưng chưa thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả</i>	0.25		
	<i>Không có Kế hoạch</i>	0		

3.2	Chủ động thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chứng thực, hướng dẫn nghiệp vụ cho cơ sở:	2		
*	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở, không để tình trạng đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ vượt cấp;	0.5		
*	Không có Công văn xin ý kiến Bộ Tư pháp đối với những việc pháp luật đã quy định cụ thể.	0.5		
*	Có Kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về chứng thực của UBND cấp xã và phòng Tư pháp	1		
	<i>Có ban hành Kế hoạch nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả</i>	0.5		
3.3	Không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật trong thực hiện chứng thực, trong đó:	1.5		
*	Không có cán bộ, công chức vi phạm pháp luật trong thực hiện chứng thực.	0.5		
*	Không có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về việc thực hiện chứng thực sai quy định.	0.5		
*	Không có kiến nghị, phản ánh về thái độ tiếp công dân không đúng mực, biểu hiện sách nhiễu, phiền hà	0.5		
3.4	Xử lý tốt thông tin báo chí, phối hợp thực hiện công tác báo cáo kịp thời, đúng thời hạn yêu cầu	0.5		
	<i>Không chủ động xử lý thông tin báo chí trước khi Bộ Tư pháp có văn bản yêu cầu; thực hiện báo cáo quá thời hạn yêu cầu của Bộ Tư pháp</i>	0.25		
<b>VI</b>	<b>CÔNG TÁC BỒ TRỢ TƯ PHÁP</b>	<b>20</b>		
1	Lĩnh vực luật sư	6		
1.1	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước tại địa phương:	3		

*	Thực hiện nghiêm túc quy định về đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân tại địa phương;	0.5		
*	Có Kế hoạch và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư để bảo đảm hoạt động của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh, thành phố theo đúng quy định của pháp luật (có báo cáo kết quả cụ thể và Kết luận kiểm tra, thanh tra);	1		
	<i>Có Kế hoạch, có kiểm tra, thanh tra nhưng không có Kết luận kiểm tra, thanh tra</i>	0.5		
	<i>Có Kế hoạch nhưng không kiểm tra, thanh tra</i>	0.25		
*	Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương;	0.5		
*	Thực hiện giải pháp khác để quản lý tốt hoạt động luật sư tại địa phương, quan tâm đến vai trò quản lý nhà nước đối với hoạt động tự quản của Đoàn luật sư tại địa phương.	1		
1.2	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, triển khai có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật luật sư, Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 5/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ) và Đề án 123 (ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 18/1/2010 của Thủ tướng Chính phủ):	2		
*	Báo cáo Bộ Tư pháp về việc rà soát các Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư và luật sư thực hiện các quy định tại Điều 18, Điều 20, Điều 92a của Luật luật sư;	0.5		
	<i>Báo cáo không đầy đủ, không đúng thời gian quy định</i>	0.25		

*	Báo cáo về tình hình triển khai Chiến lược phát triển nghề luật sư, Đề án 123 và các báo cáo khác theo quy định của Luật luật sư;	0.5		
	<i>Báo cáo không đầy đủ, không đúng thời gian quy định</i>	0.25		
*	Có giải pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư tại địa phương	1		
1.3	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, thực hiện có hiệu quả Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ về tư vấn pháp luật:	1		
*	Xây dựng chính sách, triển khai biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương và thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền	0.5		
*	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật để bảo đảm hoạt động tư vấn pháp luật theo đúng quy định của pháp luật (có báo cáo kết quả cụ thể).	0.5		
2	Lĩnh vực công chứng	6		
2.1	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước tại địa phương:	2		
*	Thực hiện nghiêm túc quy định về đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng, đăng ký hành nghề, cấp Thẻ cho các công chứng viên hành nghề tại địa phương;	0.5		
*	Có Kế hoạch và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng để đảm bảo hoạt động của công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh, thành phố theo đúng quy định của pháp luật (có Kết luận thanh tra, kiểm tra)	0.5		
	<i>Có Kế hoạch nhưng không triển khai công tác thanh tra, kiểm tra</i>	0.25		
	<i>Có Kế hoạch, có triển khai công tác thanh tra, kiểm tra nhưng không có Kết luận thanh tra, kiểm tra</i>	0.25		

48

*	Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Hội công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương;	0.5			
*	Thực hiện các giải pháp khác để quản lý tốt hoạt động công chứng tại địa phương, quan tâm đến vai trò quản lý nhà nước đối với hoạt động tự quản của Hội công chứng viên tại địa phương (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập Hội công chứng viên).	0.5			
2.2	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh triển khai có hiệu quả Luật công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thông tư số 11/2012/TT-BTP ngày 30/10/2012 ban hành Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, Quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương (ban hành kèm theo Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020”)	4			
*	Có văn bản báo cáo Bộ Tư pháp về việc thành lập, chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng; cho phép thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng Văn phòng công chứng trên địa bàn. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tư pháp về hoạt động công chứng tại địa phương để tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 70 Luật Công chứng và Điều 25 Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.	0.5			
	<i>Không thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ</i>	0.25			
	<i>Báo cáo không đầy đủ việc thành lập, chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng; cho phép thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng Văn phòng công chứng trên địa bàn</i>	0.25			

*	Có giải pháp thúc đẩy việc chuyên đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập thành Văn phòng công chứng hoạt động theo loại hình công ty hợp danh theo đúng thời hạn Luật công chứng	0.5		
*	Ban hành mức trần thù lao công chứng;	0.5		
*	Thành lập Hội công chứng viên;	1		
*	Xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng tại địa phương;	0.5		
*	Thực hiện nghiêm túc Quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương theo đúng quan điểm, mục tiêu, số lượng tổ chức hành nghề công chứng, lộ trình phát triển đã được phê duyệt tại Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020”.	1		
3	Lĩnh vực giám định tư pháp	4		
3.1	Đầu mối, tổng hợp, tham mưu cho UBND cấp tỉnh củng cố, phát triển tổ chức giám định tư pháp ở địa phương; rà soát danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp gửi Bộ Tư pháp hàng năm theo quy định	1		
	<i>Rà soát không đúng thời gian quy định (30/11 hàng năm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải gửi danh sách lên Bộ Tư pháp)</i>	0.5		
3.2	Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành chuyên môn và cơ quan tiến hành tố tụng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp ở địa phương	0.5		

428

3.3	<p>Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành chuyên môn và cơ quan tiền hành tổ tụng đánh giá về tổ chức, chất lượng hoạt động giám định tư pháp ở địa phương; đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các giải pháp để bảo đảm số lượng, chất lượng của đội ngũ người giám định tư pháp đáp ứng kịp thời, có chất lượng yêu cầu giám định của hoạt động tổ tụng ở địa phương - có Báo cáo kết quả lên Bộ Tư pháp theo quy định</p>	1		
	<i>Báo cáo không đúng thời gian</i>	0.5		
3.4	<p>Có kế hoạch và triển khai công tác kiểm tra, thanh tra tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp; giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) về giám định tư pháp theo thẩm quyền (có báo cáo kết luận cụ thể).</p>	0.5		
3.5	<p>Thực hiện kịp thời và có chất lượng việc báo cáo về tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp ở địa phương theo quy định và theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</p>	0.5		
3.6	<p>Theo dõi, đôn đốc, phối hợp có hiệu quả với các Sở, ngành và cơ quan tiền hành tổ tụng ở địa phương trong việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương (việc tính cùng cố, kiện toàn tổ chức giám định tư pháp công lập; bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên; lựa chọn, công bố danh sách cả nhân, tổ chức giám định tư pháp)</p>	0.5		
4	Lĩnh vực bán đấu giá tài sản	4		
4.1	<p>Triển khai Đề án “Phát triển và tăng cường năng lực đội ngũ đấu giá viên giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020” (ban hành kèm theo Quyết định 1076/QĐ-BTP ngày 10/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)</p>	0.5		

4.2	Phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành liên quan đến hoạt động bán đấu giá tài sản, kịp thời tham mưu đề xuất UBND cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành;	0.5		
4.3	Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi vi phạm pháp luật về bán đấu giá tài sản. Thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức bán đấu giá tài sản trong phạm vi địa phương;	1		
4.4	Đối với địa phương có doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, Sở Tư pháp phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, theo dõi và cập nhật thông tin liên quan đến các doanh nghiệp bán đấu giá ở địa phương	0.5		
4.5	Cập nhật, công bố theo định kỳ hàng quý danh sách các tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên trên địa bàn tỉnh, thành phố trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp để các tổ chức, cá nhân biết và liên hệ	0.5		
	<i>Cập nhật, công bố không đúng quy định</i>	0.25		
4.6	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;	0.5		
4.7	Công bố danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và gửi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho Bộ Tư pháp công bố	0.5		
	<i>Cập nhật, gửi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản không kịp thời</i>	0.25		

*108*



VII	CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	15		
1	Chi đạo, điều hành về kiểm soát thủ tục hành chính	2		
1.1	Ban hành kế hoạch năm về thực hiện nhiệm vụ hiện kiểm soát TTHC trước ngày 31 tháng 01 năm kế hoạch (nội dung kế hoạch theo Phụ lục IV, Đề cương hướng dẫn báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC, ban hành kèm theo Thông tư số 05/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)	1		
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 28 tháng 02 của năm kế hoạch</i>	0.5		
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 01 tháng 3 năm của năm kế hoạch</i>	0		
1.2	Thực hiện 100% kế hoạch	1		
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0.5		
	<i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch</i>	0		
2	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính	0.5		
	<i>Thực hiện đánh giá tác động, thẩm định 100% TTHC theo quy định đối với văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo</i>	0.5		
	<i>Từ 70% đến dưới 100% TTHC đã được đánh giá tác động, thẩm định</i>	0.25		
	<i>Dưới 70% TTHC được đánh giá tác động, thẩm định</i>	0		
3	Kiểm soát thực hiện thủ tục hành chính	7		
3.1	Công bố 100% TTHC và các quy định có liên quan trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền theo quy định	2		

	Từ 70% đến dưới 100% TTHC và các quy định có liên quan được công bố	1		
	Dưới 70% TTHC và các quy định có liên quan được công bố	0		
3.2	Niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác 100% TTHC trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền tại địa điểm tiếp nhận, giải quyết TTHC	1		
	Từ 70% đến dưới 100% TTHC được niêm yết công khai	0.5		
	Dưới 70% TTHC được niêm yết công khai	0		
3.3	Cập nhật 100% TTHC trên CSDLQG về TTHC theo quy định	3		
	Từ 70% đến dưới 100% TTHC được cập nhật theo quy định	2		
	Dưới 70% TTHC được cập nhật theo quy định	0		
3.4	Thực hiện đầy đủ theo quy định việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0.5		
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định	0		
3.5	Xử lý 100% phản ánh, kiến nghị hoặc kiến nghị xử lý đối với phản ánh của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0.5		
	Từ 70% đến dưới 100% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0.25		
	Dưới 70% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
4	Rà soát, đánh giá, đề xuất sáng kiến cải cách thủ tục hành chính	2		
4.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1.5		
*	Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC thuộc lĩnh vực Tư pháp kịp thời (trước ngày 31/01 hàng năm)	0.5		

	Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá không kịp thời (thời điểm ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 năm kế hoạch)	0.25		
	Không ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá hoặc ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch	0		
*	Thực hiện 100% kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	0.5		
	Thực hiện từ 70% đến dưới 100% kế hoạch	0.25		
	Thực hiện dưới 70% kế hoạch	0		
*	Thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0.5		
4.2	Có sáng kiến cải cách thủ tục hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt	0.5		
5	Kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính	1		
	Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo đúng Thông tư số 25/2014/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC	1		
	Không xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, không báo cáo kết quả kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính	0		
6	Thực hiện chế độ báo cáo	2.5		
6.1	Báo cáo về kiểm soát thủ tục hành chính kịp thời, đúng theo quy định	2		
	Có báo cáo không kịp thời	1		
	Có báo cáo không đúng quy định	1		
6.2	Ứng dụng Hệ thống quản lý và đánh giá về kiểm soát TTHC trong báo cáo về kiểm soát thủ tục hành chính	0.5		

VIII	CÔNG TÁC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT	15		
1	Công tác tổ chức triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính	2		
1.1	Xây dựng Kế hoạch chung về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và được UBND tỉnh phê duyệt	1		
	<i>Không xây dựng Kế hoạch chung</i>	0		
1.2	Đã kiện toàn tổ chức, bộ máy hoặc có văn bản đề xuất UBND kiện toàn tổ chức, bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP	1		
	<i>Chưa kiện toàn bộ máy hoặc chưa có văn bản đề xuất UBND kiện toàn bộ máy</i>	0		
2	Thực hiện các nhiệm vụ trong công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính	6		
2.1	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện việc kiểm tra theo kế hoạch.	2		
*	Ban hành Kế hoạch kiểm tra	0.5		
*	Thực hiện kiểm tra trên thực tế	1		
*	Có báo cáo của Đoàn kiểm tra về kết quả kiểm tra	0.5		
2.2	Có văn bản báo cáo, đề xuất Bộ Tư pháp xử lý các quy định/văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn, xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật XLVPHC.	1		
2.3	Tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC	2		

*	Tổ chức sơ kết và có Báo cáo sơ kết	1.5		
*	Đúng thời hạn	0.25		
*	Bảo đảm Báo cáo theo đúng yêu cầu, nội dung đề ra	0.25		
2.4	Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	1		
*	Tổ chức phổ biến pháp luật	0.5		
*	Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính	0.5		
3	Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	7		
3.1	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật kịp thời (trước ngày 30/01 của năm Kế hoạch)	2		
	<i>Ban hành Kế hoạch theo dõi không kịp thời (ban hành muộn, sau ngày 30/1 của năm Kế hoạch)</i>	1		
	<i>Không ban hành Kế hoạch theo dõi</i>	0		
3.2	Thực hiện 100% Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	2		
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 100% Kế hoạch theo dõi</i>	1.5		
	<i>Thực hiện dưới 70% Kế hoạch theo dõi</i>	1		
	<i>Không thực hiện Kế hoạch theo dõi</i>	0		
3.3	Ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền	2		
	<i>Không ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền</i>	0		
3.4	Kiểm toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hoặc có văn bản đề xuất UBND cấp tỉnh kiểm tra toàn tổ chức bộ máy, cán bộ	1		

	Chưa kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ hoặc chưa có văn bản đề xuất UBND cấp tỉnh kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ	0		
<b>IX</b>	<b>ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>	<b>10</b>		
1	Ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tư pháp	1		
	Ban hành chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm kế hoạch	1		
	Ban hành sau ngày 31 tháng 01 năm kế hoạch	0.5		
	Không ban hành	0		
2	Tham mưu và tổ chức Triển khai thực hiện Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (Xây dựng kế hoạch, lộ trình cập nhật Văn bản trước khi Nghị định có hiệu lực; Tổ chức cập nhật, rà soát văn bản lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; hoàn thành việc trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật về Trang hoặc Mục văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh/thành phố trước ngày 31 tháng 12 năm 2016)	4		
2.1	Xây dựng kế hoạch	1		
	Xây dựng Kế hoạch chậm nhất là ngày 31/01/2016	1		
	Xây dựng Kế hoạch sau ngày 31/01/2016	0.5		
	Không xây dựng	0		
2.2	Cập nhật văn bản mới ban hành trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	1		
	Cập nhật thường xuyên, chính xác, kịp thời, đảm bảo quy định tại Nghị định 52/2015/NĐ-CP	1		
	Cập nhật nhưng chưa kịp thời, không thường xuyên, liên tục	0.5		

	<i>Không cập nhật</i>				
2.3	Hoàn thành việc cập nhật văn bản được ban hành trước ngày Nghị định 52/2015/NĐ-CP có hiệu lực theo quy định	1			
	Hoàn thành cập nhật và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	1			
	Hoàn thành cập nhật và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp sau ngày 30/6/2016 đến trước 31 tháng 12 năm 2016	0.5			
	Chưa hoàn thành cập nhật tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	0			
2.4	Hoàn thành việc trích xuất	1			
	Hoàn thành việc trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật về Trang hoặc Mục văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh/thành phố trước ngày 31 tháng 12 năm 2016	1			
	Hoàn thành việc trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật về Trang hoặc Mục văn bản quy phạm pháp luật về Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp	0.5			
	Chưa hoàn thành	0			
3	Triển khai sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp	2			
3.1	Việc sử dụng phần mềm	1			
	Sử dụng Phần mềm Lý lịch tư pháp dùng chung trong tác nghiệp hàng ngày (sử dụng phần mềm để lập hồ sơ Lý lịch tư pháp; sử dụng phần mềm để cấp phiếu Lý lịch tư pháp; sử dụng chức năng trao đổi thông tin hồ sơ Lý lịch tư pháp với Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia)	1			
	Chưa sử dụng các tính năng trên	0			

3.2	Triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến theo Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 36 Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử	1		
*	Đã ban hành kế hoạch và triển khai dịch vụ đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến	0.5		
*	Đã triển khai dịch vụ đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến tích hợp nhận hồ sơ, trả kết quả cấp phiếu Lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính	0.5		
	<i>Chưa triển khai</i>	0		
4	Biên tập, cập nhật thông tin thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính	2		
4.1	Rà soát, chuẩn hóa thông tin thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015	1		
	<i>Đã hoàn thành kế hoạch rà soát, chuẩn hóa xong thông tin thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia</i>	1		
	<i>Đã thực hiện xong trên 50% kế hoạch rà soát, chuẩn hóa thông tin thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia</i>	0.5		
	<i>Mới thực hiện xong dưới 50% kế hoạch</i>	0		
4.2	Biên tập, cập nhật thông tin thủ tục hành chính mới do các Bộ, ngành ở Trung ương gửi về	1		
	<i>Kịp thời biên tập lại và công khai đầy đủ tất cả các thủ tục hành chính do các Bộ, ngành ở Trung ương gửi về</i>	1		
	<i>Biên tập, công khai chưa đầy đủ các thủ tục hành chính do các Bộ, ngành ở Trung ương gửi về</i>	0.5		

128



	<i>Chưa biên tập, công khai trên hệ thống đầy đủ tất cả các thủ tục hành chính do các Bộ, ngành ở Trung ương gửi về</i>	0		
5	Gửi báo cáo qua thư điện tử đến địa chỉ <i>thongketuphap@moj.gov.vn</i> theo một trong các hình thức: bản chụp báo cáo giấy dưới dạng pdf có đủ họ tên người ký, chữ ký, dấu; hoặc sử dụng phần mềm báo cáo thông kê của Bộ Tư pháp; hoặc sử dụng chữ ký số	1		
<b>X</b>	<b>NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KHÁC</b>	<b>25</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác bồi thường nhà nước</b>	<b>5</b>		
1.1	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường hoặc lồng ghép vào kế hoạch công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng thời gian quy định (theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp)	2		
	<i>Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước</i>	1.5		
	<i>Không ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước</i>	0		
1.2	Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bồi thường	3		
*	Tổ chức các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật về bồi thường nhà nước (Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, đặc biệt là các Thông tư, Thông tư liên tịch ban hành năm 2015)	1.5		
*	Thực hiện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết bồi thường, chi trả bồi thường và trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật	1.5		
<b>2</b>	<b>Công tác Lý lịch tư pháp</b>	<b>10</b>		

2.1	Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Lý lịch tư pháp tại địa phương	1.5		
*	Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về lý lịch tư pháp (việc ban hành các văn bản chỉ đạo, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Lý lịch tư pháp...)	1		
*	Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức tổng kết 05 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp, 04 năm thi hành nghị định số 111/2010/NĐ-CP của Chính phủ tại địa phương theo yêu cầu của Bộ Tư pháp	0.5		
2.2	Thực hiện nhiệm vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp	3.5		
*	Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính và bảo đảm đúng trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp	1		
*	Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong cấp Phiếu Lý lịch tư pháp theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
	Cập nhật thông tin yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp vào Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp phiên bản dùng chung cho các Sở Tư pháp; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp	0.5		
	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện phương thức cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	0.5		
*	Bảo đảm 100% Phiếu lý lịch tư pháp cấp đúng thời hạn	1.5		
	Bảo đảm trên 95% Phiếu lý lịch tư pháp cấp đúng thời hạn	1.5		
	Bảo đảm trên 90% đến 95% Phiếu lý lịch tư pháp cấp đúng thời hạn	1		
	Bảo đảm trên 85% đến 90% trở lên Phiếu lý lịch tư pháp cấp đúng thời hạn	0.5		

BT

	Bảo đảm trên 80% đến 85% Phiếu lý lịch tư pháp cấp đúng thời hạn	0.25		
	Dưới 80% Phiếu lý lịch tư pháp cấp đúng thời hạn	0		
2.3	Thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương theo quy định của pháp luật	5		
*	Thực hiện tốt việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại đối với thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp. Cụ thể:	1		
	Thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại 100% đối với thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp.	1		
	Thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại từ trên 80% đến dưới 100% đối với thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp	0.75		
	Thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại từ 70% đến 80% với thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp	0.5		
	Thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại dưới 70% với thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp	0.25		
*	Lập Lý lịch tư pháp cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung đầy đủ, kịp thời, đúng quy định	1		
	Trên 70% thông tin lý lịch tư pháp tiếp nhận thuộc thẩm quyền được lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung	1		
	Trên 60% đến 70% thông tin lý lịch tư pháp tiếp nhận thuộc thẩm quyền được lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung	0.75		

	Trên 50% đến 60% thông tin lý lịch tư pháp tiếp nhận thuộc thẩm quyền được lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung	0.5		
	Dưới 50% thông tin lý lịch tư pháp tiếp nhận thuộc thẩm quyền được lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung	0.25		
*	Thực hiện cung cấp đầy đủ, kịp thời bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được trong năm cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	1		
	Thực hiện cung cấp 100% bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được trong năm cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	1		
	Thực hiện cung cấp trên 90% đến 99% bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được trong năm cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	0.75		
	Thực hiện cung cấp trên 80% đến 90% bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được trong năm cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	0.5		
	Thực hiện cung cấp dưới 80% bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được trong năm cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	0.25		
*	Thực hiện tốt việc phối hợp rà soát thông tin lý lịch tư pháp đúng quy định	0.5		
	Phối hợp rà soát với Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng thời hạn, đúng quy định	0.2		
	Phối hợp rà soát với các Cơ quan có liên quan đúng thời hạn, đúng quy định	0.3		

072

*	Thực hiện tốt việc rà soát nhằm chuẩn hóa dữ liệu và chuyển kịp thời thông tin lý lịch tư pháp điện tử theo yêu cầu của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	1		
*	Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát các đối tượng người bị kết án thuộc diện đương nhiên được xóa án tích theo Nghị quyết 109/2015/QH13	0.5		
<b>3</b>	<b>Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>	<b>10</b>		
3.1	Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm đúng thời hạn	2		
	<i>Ban hành chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm từ ngày 16/12 đến ngày 31/12</i>	1.75		
	<i>Ban hành chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm sau ngày 31/12</i>	1.5		
3.2	Triển khai thực hiện cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch	3.5		
*	Triển khai thực hiện thanh tra hành chính	1		
*	Triển khai thực hiện thanh tra chuyên ngành	1		
*	Triển khai kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng	0.5		
*	Thực hiện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	1		
3.3	Công tác giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo	3		
*	Tổ chức thực hiện công tác tiếp dân	1		
*	Xử lý đơn thư kịp thời, chính xác, đúng quy định	1		
*	Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh, các vụ việc, tố cáo phức tạp, các vụ việc tồn đọng được cơ quan thẩm quyền giao	1		
3.4	Công tác phòng, chống tham nhũng	1.5		

*	Chấp hành nghiêm quy định về minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định	1		
*	Công khai, minh bạch trong hoạt động của Sở Tư pháp	0.5		
<b>B</b>	<b>THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC</b>	<b>40</b>		
<b>I</b>	<b>THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO</b>	<b>20</b>		
<b>1</b>	<b>Chế độ báo cáo công tác định kỳ</b>	<b>10</b>		
1.1	Báo cáo đúng thời gian quy định	1		
	<i>Gửi chậm từ 01 - 05 ngày</i>	<i>0.75</i>		
	<i>Gửi chậm từ 05-10 ngày</i>	<i>0.25</i>		
1.2	Báo cáo đúng thẩm quyền theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
	<i>Báo cáo không đúng thẩm quyền theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp</i>	<i>0</i>		
1.3	Báo cáo đúng kết cấu, chất lượng đảm bảo đầy đủ các nội dung của các mặt công tác tư pháp theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp bao gồm: kết quả; nhận xét, đánh giá, ưu điểm, tồn tại, hạn chế; phương hướng; giải pháp; nhiệm vụ của từng mặt công tác	7		7 - (0.25 x số nội dung thiếu)
1.4	Gửi kèm văn bản điện tử	1		
	<i>Không gửi kèm văn bản điện tử</i>	<i>0</i>		
<b>2</b>	<b>Chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BTP</b>	<b>10</b>		
2.1	Chấp hành tốt thời gian chế độ báo cáo thống kê (gửi báo cáo đúng hạn)	1		
	<i>Chậm từ 1-4 ngày</i>	<i>0.75</i>		
	<i>Chậm từ 5-8 ngày</i>	<i>0.5</i>		

*DR*

	Chậm từ 9-14 ngày	0.25		
	Chậm từ 15 ngày trở lên	0		
2.2	Đảm bảo thể thức báo cáo lập theo đúng mẫu, có đầy đủ chữ ký và đóng dấu của người có thẩm quyền	1		
	Sai mẫu, thiếu chữ ký và dấu của người có thẩm quyền từ 1-4 biểu	0.75		
	Sai mẫu, thiếu chữ ký và dấu của người có thẩm quyền từ 5-8 biểu	0.5		
	Sai mẫu, thiếu chữ ký và dấu của người có thẩm quyền từ 9-14 biểu	0.25		
	Sai mẫu, thiếu chữ ký và dấu của người có thẩm quyền từ 15 biểu trở lên	0		
2.3	Đủ số lượng biểu và thông tin trong biểu	2		
	Thiếu từ 1- 4 biểu	1.5		
	Thiếu từ 5- 8 biểu	1		
	Thiếu từ 9-14 biểu	0.5		
	Thiếu từ 15 biểu trở lên	0		
2.4	Chất lượng	5		
*	Tính đúng	2		
	Cộng tổng đúng toàn bộ biểu	0.5		
	Cộng tổng sai từ 1-2 biểu	0.25		
	Cộng tổng sai từ 3 biểu trở lên	0		
	Khớp các nhóm phân tổ trong cùng chỉ tiêu tại toàn bộ biểu	1		
	Không khớp các nhóm phân tổ trong cùng chỉ tiêu từ 1-2 biểu	0.5		

	Không khớp các nhóm phân tử trong cùng chỉ tiêu từ 3 biểu trở lên	0	
	Đúng đơn vị tính trong toàn bộ biểu	0.5	
	Sai đơn vị tính từ 1-2 biểu	0.25	
	Sai đơn vị tính từ 3 biểu trở lên	0	
*	Số liệu hợp lý (Mỗi biểu có số liệu bất hợp lý trừ 0,5 điểm)	3	
2.5	Ứng dụng Công nghệ thông tin	1	
*	Gửi báo cáo qua thư điện tử đến địa chỉ <a href="mailto:thongketuphap@moj.gov.vn">thongketuphap@moj.gov.vn</a> hoặc <a href="mailto:phongthongke223@gmail.com">phongthongke223@gmail.com</a> theo một trong các hình thức: bản chụp báo cáo giấy dưới dạng pdf có đủ họ tên người ký, chữ ký, dấu; hoặc sử dụng phần mềm báo cáo thống kê của Bộ Tư pháp; hoặc sử dụng chữ ký số.	1	
	Số liệu báo cáo gửi qua thư điện tử không khớp với số liệu trong báo cáo bằng văn bản giấy	0	Trong trường hợp đơn vị gửi báo cáo dưới nhiều hình thức
	Không khớp từ 1-2 biểu	0.5	
	Không khớp từ 3 biểu trở lên	0	
<b>II</b>	<b>CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG NGÀNH VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ</b>	<b>10</b>	
1	Về việc tham mưu kiện toàn tổ chức, biên chế của Sở Tư pháp	3	
1.1	Về kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp bảo đảm phù hợp với quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV	1.5	

*Handwritten signature/initials*



	<p>Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp theo quy định của TLLT số 23/2014/TLLT-BTP-BNV và thực hiện việc kiện toàn các phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp theo quy định</p>	1.5		
	<p>Đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp nhưng chưa phù hợp với quy định của TLLT số 23 hoặc chưa thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức các phòng chuyên môn thuộc Sở theo quy định</p>	1		
	<p>Chưa trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp theo quy định của TLLT số 23</p>	0.5		
1.2	<p>Thực hiện rà soát biên chế công chức, viên chức, tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền phân bổ, điều chỉnh số lượng biên chế công chức, viên chức của Sở Tư pháp, bảo đảm triển khai thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TLLT-BTP-BNV và quy định của pháp luật.</p>	1.5		
	<p>Đối với các tỉnh bố trí đủ biên chế các phòng chuyên môn thuộc Sở theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TLLT-BTP-BNV, bảo đảm mỗi Phòng chuyên môn thuộc Sở có Trưởng phòng, không quá 02 Phó trưởng phòng và các công chức chuyên môn khác nhưng bố trí đúng tiêu chuẩn theo quy định</p>	1.5		
	<p>Đối với các tỉnh bố trí đủ biên chế theo quy định, bảo đảm mỗi Phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp có Trưởng phòng, không quá 02 Phó trưởng phòng và các công chức chuyên môn khác nhưng bố trí chưa phù hợp với tiêu chuẩn theo quy định</p>	1		

	Đối với các tỉnh chưa bố trí đủ biên chế làm việc cho Sở Tư pháp theo quy định của TTLT số 23 hoặc bố trí chưa phù hợp với tiêu chuẩn theo quy định	0.5		
2	Về việc tham mưu kiện toàn tổ chức, biên chế của Phòng Tư pháp	2.5		
2.1	Hướng dẫn các Phòng Tư pháp kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và quy định của pháp luật.	1		
	Có văn bản hướng dẫn các Phòng Tư pháp kiện toàn chức năng, nhiệm vụ theo quy định của TTLT số 23 và 100% số Phòng Tư pháp có quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ theo quy định của TTLT số 23	1		
	Có văn bản hướng dẫn các Phòng Tư pháp nhưng chưa bảo đảm chỉ tiêu 100% các Phòng Tư pháp có quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ theo quy định của TTLT số 23	0.75		
	Chưa có văn bản hướng dẫn các Phòng Tư pháp hoặc chưa bảo đảm chỉ tiêu 100% các Phòng Tư pháp có quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ theo quy định của TTLT số 23	0.25		
2.2	Hướng dẫn các Phòng Tư pháp thực hiện rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí, sắp xếp biên chế của Phòng Tư pháp theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và quy định của pháp luật.	1.5		
	Đối với các tỉnh bố trí đủ biên chế theo quy định, bảo đảm mỗi Phòng Tư pháp có Trưởng phòng, không quá 03 Phó trưởng phòng và các công chức khác theo quy định của TTLT số 23, phù hợp với vị trí việc làm được phê duyệt	1.5		

	Đối với các tỉnh bố trí đủ biên chế theo quy định, bảo đảm mỗi Phòng Tư pháp có Trưởng phòng, không quá 03 Phó trưởng phòng và các công chức khác theo quy định của TLLT số 23 nhưng chưa phù hợp với vị trí việc làm được phê duyệt	1		
	Đối với các tỉnh chưa bố trí đủ biên chế của các Phòng Tư pháp theo quy định của TLLT số 23 và chưa phù hợp với vị trí việc làm được phê duyệt	0.5		
3	Về việc tham mưu kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch	2.5		
3.1	Tham mưu kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, bảo đảm không bố trí công chức Tư pháp – Hộ tịch kiêm nhiệm chức danh khác và bố trí, tuyển dụng mới người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch làm công tác hộ tịch	1		
	Đối với các tỉnh bố trí công chức Tư pháp – Hộ tịch kiêm nhiệm các chức danh khác hoặc thực hiện tuyển dụng mới công chức Tư pháp – Hộ tịch không phù hợp với quy định của Luật Hộ tịch	0.5		
	Đối với các tỉnh bố trí công chức Tư pháp – Hộ tịch kiêm nhiệm các chức danh khác và thực hiện tuyển dụng mới công chức Tư pháp – Hộ tịch không phù hợp với quy định của Luật Hộ tịch	0		
3.2	Đến cuối năm 2016 bảo đảm 50% số UBND cấp xã có 02 cán bộ Tư pháp – Hộ tịch chuyên trách, 90% số cán bộ có trình độ Trung cấp Luật trở lên.	1.5		
	Đối với các tỉnh đã bố trí được 50% số xã có 02 cán bộ Tư pháp – Hộ tịch nhưng số cán bộ có trình độ Trung cấp Luật đạt dưới 90%.	1		
	Đối với các tỉnh chỉ bố trí được từ 30-40% số xã có 02 cán bộ Tư pháp – Hộ tịch, 90% số cán bộ có trình độ Trung cấp Luật trở lên	1		

	ĐỐI VỚI CÁC TỈNH CHỈ BỐ TRÍ ĐƯỢC TỪ 30-40% SỐ XÃ CÓ 02 CÁN BỘ TƯ PHÁP – HỘ TỊCH VÀ CÓ DƯỚI 90% SỐ CÁN BỘ CÓ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP LUẬT TRỞ LÊN	0.75		
	ĐỐI VỚI CÁC TỈNH BỐ TRÍ ĐƯỢC DƯỚI 20% SỐ XÃ CÓ 02 CÁN BỘ TƯ PHÁP – HỘ TỊCH	0.5		
4	TẬP THỂ ĐOÀN KẾT, TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC ĐOÀN THỂ ĐẠT TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC QUY HOẠCH, ĐÀO TẠO VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	2		
4.1	TẬP THỂ ĐOÀN KẾT, TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC ĐOÀN THỂ ĐẠT TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC QUY HOẠCH VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	1		
	ĐỐI VỚI CÁC SỞ ĐỂ XÂY RA TÌNH TRẠNG CÓ ĐƠN THƯ KHIẾN NẠI, TỐ CÁO VÀ CÓ THÔNG TIN BÁO CHÍ VỀ SAI PHẠM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THUỘC SỞ TƯ PHÁP	0.5		
4.2	XÂY DỰNG VÀ TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CỦA ĐỘI NGŪ CÁN BỘ CỦA SỞ TƯ PHÁP, PHÒNG TƯ PHÁP VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŪ CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH CẤP XÃ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỘ TỊCH	1		
	ĐỐI VỚI CÁC TỈNH ĐÃ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỘI NGŪ CÁN BỘ CỦA SỞ TƯ PHÁP, PHÒNG TƯ PHÁP	0.5		
	ĐỐI VỚI CÁC TỈNH ĐÃ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŪ CÁN BỘ CÔNG CHỨC TƯ PHÁP – HỘ TỊCH	0.5		
<b>III</b>	<b>CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG</b>	<b>10</b>		
1	Công tác thi đua	7		
1.1	Thực hiện phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua	1		

1.2	<p>Xây dựng Kế hoạch, phát động và tổ chức thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua “Toàn ngành Tư pháp đoàn kết, sáng tạo, kỷ cương, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao năm 2016”, phong trào thi đua “Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020, phong trào “Cán bộ Tư pháp tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” giai đoạn 2016 - 2020 và phong trào thi đua theo chuyên đề theo đúng Kế hoạch của Bộ Tư pháp</p>	3		
	Ban hành đầy đủ các văn bản nhưng tổ chức thực hiện muộn hơn so với thời hạn quy định tại Kế hoạch của Bộ Tư pháp	2.5		
	Ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả 3/4 phong trào thi đua	2		
	Ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả 2/4 phong trào thi đua	1.5		
	Ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả 1/4 phong trào thi đua	0.5		
1.3	<p>Hướng ứng, tổ chức triển khai có hiệu quả phong trào thi đua do địa phương phát động; chủ động phát động và tổ chức triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua phù hợp điều kiện thực tế của cơ quan đơn vị (nếu có)</p>	1		
1.4	Tổ chức hiệu quả các hoạt động kiểm tra phong trào thi đua	1		
	Ban hành Kế hoạch kiểm tra nhưng không tổ chức thực hiện	0.5		
1.5	Tổ chức hiệu quả các hoạt động sơ kết, tổng kết phong trào thi đua	1		
	<p>Tổ chức sơ kết, tổng kết nhưng gửi Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng không đúng thời hạn, không đảm bảo kết cấu và nội dung</p>	0.5		
2	Công tác khen thưởng	3		

2.1	Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng đảm bảo khách quan, chính xác đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng	1		
	<i>Có phân ảnh, kiến nghị (có cơ sở) về việc thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng không đảm bảo khách quan, chính xác, đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng</i>	0.5		
2.2	Đảm bảo tỷ lệ đề nghị khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng	2		
*	Đảm bảo tỷ lệ đề nghị khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	0.5		
*	Gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo đúng thời hạn hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
	<i>Gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng muộn hơn so với thời hạn hướng dẫn của Bộ Tư pháp từ 05 ngày làm việc trở lên</i>	0		
*	Hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng trình tự, thủ tục theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	0.5		
	<b>Tổng điểm</b>	<b>200</b>		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2016

**PHỤ LỤC**

**Cách chấm điểm thi đua, xếp hạng**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1326 /QĐ-BTP ngày 08 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

**A. CHẤM ĐIỂM THI ĐUA**

**I. TỰ CHẤM ĐIỂM CỦA SỞ TƯ PHÁP VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ CHẤM CHO SỞ TƯ PHÁP**

**1. Cách tính điểm tự chấm của Sở Tư pháp và của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp**

Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí đã được quy định, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức đánh giá, tự chấm điểm thi đua; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực đối với Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành của các tiêu chí, tổ chức đánh giá, chấm điểm cho Sở Tư pháp theo nguyên tắc như sau:

- Điểm chuẩn là mức điểm tối đa được chấm đối với tiêu chí và đạt được khi đơn vị hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng theo tiêu chí đặt ra;
- Thang điểm được xác định tương ứng với từng mức độ hiệu quả thực hiện nhiệm vụ mà đơn vị đạt được đối với từng tiêu chí. Đối với các tiêu chí không xác định thang điểm cụ thể, nếu trong quá trình chấm điểm, Sở Tư pháp và các đơn vị thuộc Bộ thực hiện trừ điểm cần nêu rõ lý do và tài liệu kiểm chứng cụ thể (nếu có);
- Không chấm điểm đối với các tiêu chí chưa thực hiện được (0 điểm).

**2. Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác**

Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/10/2016 và ước tính đến 31/12/2016.

### 3. Thời gian gửi kết quả tự chấm điểm của Sở Tư pháp

Kết quả điểm tự chấm của Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) đồng thời gửi về Khu vực thi đua trước **ngày 15 tháng 11 năm 2016**.

### 4. Thời gian gửi kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp

Kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước **ngày 05 tháng 12 năm 2016**.

**Lưu ý:** Khi gửi kết quả chấm điểm, ngoài việc gửi theo đường công văn, Sở Tư pháp, các đơn vị thuộc Bộ được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực đối với Sở Tư pháp đồng thời gửi file điện tử của kết quả chấm điểm (định dạng .xls hoặc .doc) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp: [thidukhenthuong@moj.gov.vn](mailto:thidukhenthuong@moj.gov.vn).

## II. CÁCH TÍNH TỔNG SỐ ĐIỂM THI ĐUA ĐỂ XÉT, ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SỞ TƯ PHÁP CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP

Trên cơ sở kết quả tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp và tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp, cách tính tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp như sau:

$$\text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng} = \frac{\text{Tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp} + (\text{Tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp} \times 2)}{3}$$

Ví dụ: - Sở Tư pháp tỉnh A tự chấm tổng điểm đạt **183** điểm.

- Các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp tỉnh A đạt tổng điểm **186** điểm.

*Kết quả:*

$$\text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng đối với Sở Tư pháp tỉnh A} = \frac{183 + (186 \times 2)}{3} = 185 \text{ điểm}$$



## B. XẾP HẠNG

Trên cơ sở kết quả các mặt công tác đã đạt được trong năm 2016, kết quả chấm điểm thi đua đối với các Sở Tư pháp, nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành các tiêu chí và chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý các lĩnh vực, nhiệm vụ của Sở Tư pháp và ý kiến chỉ đạo của tập thể Lãnh đạo Bộ về cơ cấu, số lượng các hạng thi đua trong năm 2016, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành xem xét, báo cáo xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ và trình Bộ trưởng xem xét, quyết định xếp hạng các Sở Tư pháp năm 2016 thành 4 hạng: **Xuất sắc** (Hạng A), **Khá** (Hạng B), **Trung Bình** (Hạng C) và **Yếu** (Hạng D). Cụ thể như sau:

### I. XUẤT SẮC (HẠNG A)

Lựa chọn, xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **190** điểm trở lên.

### II. KHÁ (HẠNG B)

Lựa chọn, xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **180** đến dưới **190** điểm.

### III. TRUNG BÌNH (HẠNG C)

Xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **170** đến dưới **180** điểm.

### IV. YẾU (HẠNG D)

Các Sở Tư pháp đạt dưới **170** điểm.

### \*Lưu ý: Xếp hạng C trở xuống đối với các trường hợp sau đây

- Đơn vị đề xảy ra tình trạng tham ô, tham nhũng, lãng phí, đã có kết luận thanh tra, kiểm tra.
- Đơn vị có cán bộ, công chức, đảng viên vi phạm bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc có cá nhân vi phạm pháp luật bị truy tố.

Trên cơ sở kết quả đánh giá xếp hạng đối với các Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp xem xét quyết định xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng./.

